



BẢO HIỂM AAA
Quyền được an tâm

Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm AAA
Trụ sở chính: 02 Bis Trần Cao Vân, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (08) 3822 8499 - Fax: (08) 3822 8488
www.aaa.com.vn



TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Ban hành Quy tắc và Biểu phí Bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân)



TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM AAA

- Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM AAA số 30/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 28/02/2005;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc Công ty được quy định trong Điều lệ CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM AAA;
- Xét đề nghị của Hội đồng Phát triển sản phẩm.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1:

Ban hành kèm theo quyết định văn bản "Quy tắc và Biểu phí Bảo hiểm DƯ NỢ TÍN DỤNG CÁ NHÂN" của Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA

Điều 2:

Giám đốc các Khối, bộ phận nghiệp vụ có trách nhiệm hướng dẫn việc triển khai thực hiện nội dung Bản Quy tắc và biểu phí sản phẩm Bảo hiểm Dư nợ tín dụng cá nhân trong toàn hệ thống.

Điều 3:

- Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành sản phẩm Bảo hiểm Dư nợ tín dụng cá nhân.
- Các Ông (Bà) Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các đơn vị thành viên, các Khối, bộ phận nghiệp vụ trực thuộc Văn phòng Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu K.NSHC

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ KIM LIÊN

Sơ Giao Dịch Miền Bắc: (04) 3562 6601 - Hà Nội: (04) 35626 602 - Hải Phòng: (0313) 747 333 - Nghệ An: (0383) 527 899 - Quảng Bình: (052) 3850 616 - Thừa Thiên-Huế: (054) 3837 666
Quảng Ngãi: (055) 3713 477 - Miền Trung: (0511) 3584 555 - Bình Định: (056) 3818 666 - Lâm Đồng: (063) 3501 711 - Đắk Lắk: (059) 3950 868 - Khánh Hòa: (058) 3562 233 - Bình Thuận: (062) 6252 035
Bà Rịa-Vũng Tàu: (064) 3542 715 - Đồng Nai: (0613) 940 068 - Bình Dương: (0550) 3813 099 - Long An: (072) 3552 337 - Tiền Giang: (073) 3968 505 - Vĩnh Long: (070) 6210 927 - Miền Tây: (071) 3732 145
Hậu Giang: (071) 3580 509 - Đồng Tháp: (067) 3875 018 - An Giang: (076) 3955 067 - Sóc Trăng: (079) 3620 079 - Kiên Giang: (077) 3941 633 - Bạc Liêu: (0781) 3956 989 - Cà Mau: (0780) 3566 007

QUY TẮC

BẢO HIỂM DƯ NỢ TÍN DỤNG CÁ NHÂN

(Ban hành theo Quyết định số: 135/2009/QĐ-AAA ngày 11/05/2009 của Bảo Hiểm AAA)

Quy tắc bảo hiểm này quy định nội dung chi tiết phạm vi bảo hiểm, điều kiện, điều khoản, các loại trừ và thủ tục yêu cầu bồi thường. Người tham gia bảo hiểm cần đọc kỹ nội dung trong Quy tắc bảo hiểm và nếu có những yêu cầu thắc mắc đề nghị liên hệ **Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm AAA** (gọi tắt là Bảo Hiểm AAA).

Người được bảo hiểm có nghĩa vụ khai báo trung thực về tất cả các vấn đề nằm trong khả năng hiểu biết của mình trước khi đi đến việc ký kết hợp đồng, mở rộng phạm vi bảo hiểm hay thay đổi những điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm. Trên cơ sở Giấy yêu cầu bảo hiểm, các kê khai khác (nếu có) của Người được bảo hiểm và với điều kiện Người được bảo hiểm đã thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm, Bảo Hiểm AAA sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm những quyền lợi được quy định trong Quy tắc bảo hiểm này.

I. ĐỊNH NGHĨA

1. **"Bảo Hiểm AAA"** là Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm AAA, có địa chỉ tại 2bis Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. **"Tổ chức tín dụng"** là bên cung cấp khoản tín dụng cá nhân cho Người được bảo hiểm theo các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm tín dụng và là Người tham gia bảo hiểm.
3. **"Người thụ hưởng"** là Tổ chức tín dụng trong trường hợp xảy ra Sự kiện bảo hiểm thuộc phạm vi bảo hiểm.
4. **"Người được bảo hiểm"** là khách hàng vay cá nhân tại Tổ chức tín dụng, có tên trong danh sách được bảo hiểm ghi trong Giấy yêu cầu bảo hiểm, được Bảo Hiểm AAA cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm.
5. **"Bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân"** là loại hình bảo hiểm đảm bảo thanh toán Khoản dư nợ vay theo Hợp đồng tín dụng giữa Tổ chức tín dụng và Người được bảo hiểm trong trường hợp xảy ra Sự kiện bảo hiểm.
6. **"Hợp đồng bảo hiểm"** bao gồm Giấy yêu cầu bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm, Hợp đồng tín dụng và bất kỳ sửa đổi bổ sung nào (nếu có) đã được Bảo Hiểm AAA xác nhận và phát hành.
7. **"Hợp đồng tín dụng"** là thỏa thuận chi tiết về các điều khoản và điều kiện tín dụng được ký kết giữa Người được bảo hiểm và Tổ chức tín dụng, cũng là cơ sở để Bảo Hiểm AAA chấp thuận yêu cầu tham gia Bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân của Người được bảo hiểm.
8. **"Sự kiện bảo hiểm"** là sự kiện Người được bảo hiểm tử vong, bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn hoặc Mất tích, xảy ra trong Thời hạn bảo hiểm.
9. **"Thời hạn bảo hiểm"** là khoảng thời gian tính từ ngày bắt đầu cho đến ngày kết thúc bảo hiểm, được ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm.
10. **"Khoản dư nợ vay/Số tiền bảo hiểm"** là tổng của khoản dư nợ gốc còn lại tại ngày phát sinh Sự kiện bảo hiểm và khoản lãi phát sinh từ ngày trả lãi gần nhất theo lịch biểu trả nợ đến ngày phát sinh Sự kiện bảo hiểm ngoại trừ:
 - a) các khoản trả nợ vay hàng tháng và lãi cộng dồn phải trả theo lịch biểu trả nợ trước ngày phát sinh Sự kiện bảo hiểm mà Người được bảo hiểm không trả;
 - b) bất kỳ các khoản phạt phát sinh do việc không trả nợ của Người được bảo hiểm.

11. **"Tuổi"** là tuổi tính theo ngày sinh của Người được bảo hiểm liên kế trước ngày bắt đầu bảo hiểm được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
12. **"Tai nạn"** là sự kiện bất ngờ, không lường trước, dẫn đến Tử vong hoặc Thương tật thân thể cho Người được bảo hiểm và xảy ra ngoài sự kiểm soát của Người được bảo hiểm.
13. **"Mất một chi"**: tình trạng bị cắt rời một cánh tay, từ cổ tay trở lên hay một cẳng chân, từ mắt cá chân trở lên.
14. **"Thương tật toàn bộ vĩnh viễn"**: mất hoàn toàn khả năng làm công việc thường làm hoặc mất hoàn toàn khả năng lao động trong vòng **06** (sáu) tháng liên tục kể từ ngày phát sinh Sự kiện bảo hiểm và vào lúc kết thúc thời hạn này cũng không có hy vọng sức khỏe được cải thiện, được mô tả dưới đây:
 - a) Mất toàn bộ hoặc không thể phục hồi được thị lực của hai mắt hoặc một mắt còn lại, trong trường hợp trước khi tham gia bảo hiểm, Người được bảo hiểm chỉ còn lại một mắt;
 - b) Đứt rời hoặc liệt không thể phục hồi được hai chi hoặc một chi, trong trường hợp trước khi tham gia bảo hiểm, Người được bảo hiểm đã Mất một chi;
 - c) Mất toàn bộ và không thể phục hồi được thị lực của một mắt và đứt rời hoặc liệt không thể phục hồi được một chi;
 - d) Mất toàn bộ và không thể phục hồi được khả năng nói và nghe.
15. **"Ốm đau/bệnh"** là tình trạng sức khỏe không bình thường do tác động của bệnh lý và cần có sự điều trị của bác sĩ, chuyên gia y tế hoặc bác sĩ phẫu thuật. Nhưng loại trừ các bệnh về tâm thần.
16. **"Mất tích"**: sự kiện Người được bảo hiểm không được tìm thấy trong vòng **365** (ba trăm sáu mươi lăm) ngày kể từ ngày xảy ra Tai nạn, được cơ quan có thẩm quyền và/hoặc Tòa án công bố xác nhận việc Mất tích trên phương tiện thông tin đại chúng.

II. PHẠM VI BẢO HIỂM

Trong thời hạn bảo hiểm, Bảo Hiểm AAA sẽ chi trả Khoản dư nợ vay cho Tổ chức tín dụng/Người thụ hưởng cho các Sự kiện bảo hiểm sau đây:

1. Người được bảo hiểm tử vong;
2. Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn;
3. Người được bảo hiểm bị Mất tích.

III. CÁC ĐIỂM LOẠI TRỪ

Bảo Hiểm AAA sẽ không chi trả cho các Sự kiện bảo hiểm xảy ra có nguyên nhân trực tiếp hay gián tiếp từ bất cứ sự kiện nào sau đây:

1. Người được bảo hiểm tử vong do tự tử;
2. Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tự gây thương tích;
3. Người được bảo hiểm bị kết án tử hình, tham gia vào các hoạt động bất hợp pháp, chống cự khi bị bắt giữ hay vượt ngục;
4. Chiến tranh (có tuyên bố hay không tuyên bố), các hành động thù địch hoặc mang tính chiến tranh, nội chiến, nổi loạn, bạo động, bạo loạn dân sự hay khủng bố;
5. Các vụ nổ hoặc phóng xạ do vũ khí, trang thiết bị lắp đặt hạt nhân, nguyên tử, hóa học hay sinh học;
6. Người được bảo hiểm tham gia vào các hoạt động trên không trừ khi với tư cách là hành khách có mua vé trên một chuyến bay có giấy phép hoạt động và lịch trình bay thương mại;

7. Người được bảo hiểm có bất kỳ hành động tự ý sử dụng thuốc, ma túy hoặc chất gây mê trừ khi được chỉ dẫn hoặc dùng theo đơn thuốc của bác sĩ hành nghề hợp pháp;
8. Người được bảo hiểm có bất kỳ hành động tự ý sử dụng hay tự ý hít các chất độc, khí ga hay hơi đốt;
9. Người được bảo hiểm bị nhiễm HIV, AIDS và bệnh liên quan đến AIDS theo quy định của pháp luật;
10. Mất tích bí ẩn và không giải thích được.

IV. ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. Người được bảo hiểm chỉ được bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
 - a) Tối thiểu **18** (mười tám) tuổi và tối đa **60** (sáu mươi) tuổi vào ngày bắt đầu bảo hiểm được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm;
 - b) Người được bảo hiểm đã hoặc đang xin cấp khoản vay cá nhân tại Tổ chức tín dụng.
2. Gia hạn đóng phí bảo hiểm: Quá thời hạn đóng phí bảo hiểm, nếu Người tham gia bảo hiểm không thể đóng phí bảo hiểm, Bảo Hiểm AAA sẽ cho phép một khoảng thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm là **60** (sáu mươi) ngày kể từ Ngày đến hạn đóng phí bảo hiểm. Trong thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm, nếu phát sinh sự kiện bảo hiểm và có yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm, phần Phí bảo hiểm còn thiếu sẽ được khấu trừ vào quyền lợi bảo hiểm đã được trả.
3. Bảo Hiểm AAA có quyền chấm dứt bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm này, nếu không nhận được phí bảo hiểm đến hạn.
4. Bảo Hiểm AAA hoặc Người tham gia bảo hiểm có quyền chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm nhưng phải thông báo bằng văn bản trước **30** (ba mươi) ngày cho bên còn lại. Trong trường hợp này, Bảo Hiểm AAA sẽ được hưởng phần phí đã nộp cho đến thời điểm chấm dứt.
5. Trong thời hạn bảo hiểm, nếu có bất kỳ sự thay đổi nào trong lịch biểu trả nợ của Hợp đồng tín dụng, Tổ chức tín dụng phải thông báo bằng văn bản cho Bảo Hiểm AAA, trên cơ sở đó Hợp đồng bảo hiểm có thể được điều chỉnh tương ứng thông qua bản sửa đổi bổ sung.
6. Trong trường hợp Người được bảo hiểm được chứng minh là Mất tích và Bảo Hiểm AAA đã trả Số tiền bảo hiểm, nếu sau đó sự chứng minh Mất tích là sai, thì Số tiền bảo hiểm đó phải được bồi hoàn lại cho Bảo Hiểm AAA.
7. Luật áp dụng: Quy tắc bảo hiểm này được áp dụng theo Luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
8. Người tham gia bảo hiểm phải tuân thủ và thực hiện đầy đủ những điều kiện, điều khoản, điểm loại trừ và sửa đổi bổ sung của Hợp đồng bảo hiểm này; và tính trung thực của những lời khai báo kèm những chi tiết kê khai trong Giấy yêu cầu bảo hiểm và tất cả các khai báo khác của Người tham gia bảo hiểm sẽ là điều kiện tiên quyết đối với bất kỳ trách nhiệm thanh toán bồi thường nào của Bảo Hiểm AAA theo Quy tắc bảo hiểm này.
9. Trường hợp Tổ chức tín dụng không tuân thủ theo thủ tục khiếu nại hoặc không hỗ trợ điều tra khiếu nại có thể dẫn đến khước từ đơn khiếu nại và nếu bất kỳ khiếu nại nào cố ý gian lận hoặc bị thổi phồng một cách quá mức Bảo Hiểm AAA có quyền từ chối một phần hay toàn bộ Số tiền bảo hiểm.
10. Thủ tục và cơ sở giải quyết khiếu nại bồi thường:
 - a) Tổ chức tín dụng phải thông báo bằng văn bản cho Bảo Hiểm AAA trong vòng **30** ngày kể từ ngày phát sinh Sự kiện bảo hiểm.
 - b) Thời hạn yêu cầu giải quyết quyền bồi thường là trong vòng **01** (một) năm kể từ ngày phát sinh Sự kiện bảo hiểm.
 - c) Hồ sơ yêu cầu giải quyết bồi thường



- (i) Giấy yêu cầu giải quyết bồi thường do Tổ chức tín dụng điền đầy đủ và ký tên;
 - (ii) Bản gốc hợp đồng tín dụng;
 - (iii) Bản gốc hoặc bản sao hợp lệ của Giấy chứng tử (trong trường hợp tử vong). Trong một số trường hợp đặc biệt, Bảo Hiểm AAA có thể yêu cầu giám định pháp y nếu thấy cần thiết và được pháp luật cho phép.
 - (iv) Bản gốc hoặc bản sao hợp lệ Giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền về tình trạng Thương tật và toàn bộ vĩnh viễn của Người được bảo hiểm (trong trường hợp Thương tật toàn bộ vĩnh viễn). Trong một số trường hợp đặc biệt, Bảo Hiểm AAA có thể chỉ định giám định y khoa, chuyên gia y tế.
11. Bảo Hiểm AAA có trách nhiệm xem xét và giải quyết bồi thường trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày nhận được thông báo từ chối trách nhiệm của Bảo Hiểm AAA, nếu Tổ chức tín dụng không có ý kiến bằng văn bản cho Bảo Hiểm AAA, hồ sơ sẽ không được Bảo Hiểm AAA xem xét giải quyết.
12. Mọi tranh chấp có liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm này, nếu các bên không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án nơi xảy ra sự cố hoặc nơi Người được bảo hiểm cư trú giải quyết.
13. Thời hiệu khởi kiện các tranh chấp liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm này là 03 (ba) năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp. Quá thời hạn trên mọi khiếu nại sẽ không còn giá trị.

BẢNG TỶ LỆ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM THƯƠNG TẬT

STT	Mức độ thiệt hại	Tỷ lệ thương tật (%)	
		Từ	Đến
	I. THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ		
01	Chết		100%
02	Mù hoặc mất hoàn toàn hai mắt		100%
03	Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được		100%
04	Hồng hoàn toàn chức năng nhai và nói		100%
05	Mất hoặc liệt hoàn toàn hai tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) hoặc hai chân (từ háng hoặc đầu gối xuống)		100%
06	Mất cả hai bàn tay hoặc hai bàn chân, hoặc mất một cánh tay và 1 bàn chân, hoặc một cánh tay và một cẳng chân, hoặc một bàn tay và một cẳng chân		100%
07	Mất hoàn toàn khả năng lao động và làm việc (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc dẫn đến tàn tật toàn bộ vĩnh viễn)		100%
08	Cắt toàn bộ một bên phổi và một phần phổi bên kia		100%
	II. CÁC TRƯỜNG HỢP THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN		
	A. CHI TRÊN		
09	Mất một cánh tay từ vai xuống (tháo khớp vai)	75	85
10	Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống	70	80
11	Cắt cụt một cánh tay từ khuỷa xuống (tháo khớp khuỷa)	65	75
12	Mất trọn một bàn tay hay năm ngón của một bàn	60	70
13	Mất 4 ngón tay trên một bàn	40	50
14	Mất ngón cái và ngón trỏ	35	45
15	Mất 3 ngón tay : Ngón trỏ, ngón giữa và ngón đeo nhẫn	30	35
16	Mất 1 ngón cái và 2 ngón khác	35	40
17	Mất 1 ngón cái và 1 ngón khác	30	35
18	Mất 1 ngón trỏ và 2 ngón khác	35	40
19	Mất 1 ngón trỏ và 1 ngón giữa	30	35
20	Mất 1 ngón cái và một đốt bàn	25	30
	– Mất một ngón cái	20	25
	– Mất cả đốt ngoài	10	15
	– Mất ½ đốt ngoài	07	10
21	Mất một ngón trỏ và một đốt bàn	20	25
	– Mất một ngón trỏ	18	22
	– Mất 2 đốt 2 và 3	08	10
	– Mất đốt 3	04	07
22	Mất trọn một ngón giữa hoặc ngón đeo nhẫn (cả một đốt bàn)	18	22
	– Mất một ngón giữa hoặc một ngón nhẫn	15	18
	– Mất 2 đốt 2 và 3	08	12
	– Mất đốt 3	04	07
23	Mất hoàn toàn một ngón út và đốt bàn	15	20
	– Mất cả ngón út	10	15
	– Mất 2 đốt 2 và 3	08	10
	– Mất đốt 3	04	07
24	Cứng khớp bả vai	25	35
25	Cứng khớp khuỷa tay	25	35
26	Cứng khớp cổ tay	25	35
27	Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3 cm và chức năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả	25	35

28	Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, can xấu, hạn chế cử động khớp vai	35	45
29	Gãy xương cánh tay		
	– Can tốt, cử động bình thường	15	25
	– Can xấu, teo cơ	25	30
30	Gãy 2 xương cẳng tay	12	25
31	Gãy 1 xương quay hoặc trụ	10	20
32	Khớp giả 2 xương	25	35
33	Khớp giả 1 xương	15	20
34	Gãy đầu dưới xương quay	10	18
35	Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ	08	15
36	Gãy xương cổ tay	10	18
37	Gãy xương đốt bàn (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt)	08	15
38	Gãy xương đòn:		
	– Can tốt	08	12
	– Can xấu, cứng vai	18	25
	– Có chèn ép thần kinh mũ	30	35
39	Gãy xương bả vai:		
	– Gãy vỡ, khuyết phần thân xương	10	15
	– Gãy vỡ ngang ngang	17	22
	– Gãy vỡ phần khớp vai	30	40
40	Gãy xương ngón tay (tùy mức độ từ 1 đến nhiều ngón)	03	12
	B. CHI DƯỚI		
41	Mất 1 chân từ háng xuống (tháo khớp háng 1 đùi)	75	85
42	Cắt cụt 1 đùi : - 1/3 trên	70	80
	- 1/3 giữa hoặc dưới	55	75
43	Cắt cụt 1 chân từ gối xuống (tháo khớp gối)	60	70
44	Tháo khớp cổ chân hoặc mất 1 bàn chân	55	65
45	Mất xương sên	35	40
46	Mất xương gót	35	45
47	Mất đoạn xương chày, mác gây khớp giả cẳng chân	35	45
48	Mất đoạn xương mác	20	30
49	Mất mắt cá chân: - Mắt cá ngoài	10	15
	- Mắt cá trong	15	20
50	Mất cả 5 ngón chân	45	55
51	Mất 4 ngón cả ngón cái	38	48
52	Mất 4 ngón trừ ngón cái	35	45
53	Mất 3 ngón, 3-4-5	25	30
54	Mất 3 ngón, 1-2-3	30	35
55	Mất 1 ngón cái và ngón 2	20	25
56	Mất 1 ngón cái	15	20
57	Mất 1 ngón ngoài ngón cái	10	15
58	Mất 1 đốt ngón cái	08	12
59	Cứng khớp háng	45	55
60	Cứng khớp gối	30	40
61	Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi	45	55
62	Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi		
	– ít nhất 5 cm	40	45
	– từ 3 – 5 cm	35	40
63	Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài	35	45
64	Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong	25	35
65	Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới (Trường hợp mổ được thanh toán tối đa)		
	– Can tốt	20	30

	– Can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khớp, teo cơ	30	40
66	Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi (Trường hợp mổ được thanh toán tối đa)		
	– Can tốt, trục thẳng	25	35
	– Can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ	35	45
67	Khớp giả cổ xương đùi	45	55
68	Gãy 2 xương cẳng chân (chày + mác)	20	30
69	Gãy xương chày	15	22
70	Gãy đoạn mâm chày	15	25
71	Gãy xương mác	10	20
72	Đứt gân bánh chè	15	25
73	Vỡ xương bánh chè (trường hợp mổ thanh toán tối đa)	10	20
74	Vỡ xương bánh chè bị cứng khớp gối hoặc teo cả tứ đầu (tùy theo mức độ)	25	30
75	Đứt gân Achilles (đã nối lại)	15	20
76	Gãy xương đốt bàn (tùy theo mức độ từ 1 đến nhiều đốt)	07	12
77	Vỡ xương gót	15	25
78	Gãy xương cổ chân	15	22
79	Gãy xương ngón chân (tùy theo mức độ từ 1 đến nhiều đốt)	04	12
80	Gãy ngang ngang xương mu	25	32
81	Gãy ụ ngồi	25	30
82	Gãy xương cánh chậu 1 bên	20	30
83	Gãy xương chậu 2 bên, méo xương chậu (tùy mức độ ảnh hưởng đến sinh đẻ)	40	60
84	Gãy xương cụt: - Không rối loạn cơ tròn	10	15
	- Có rối loạn cơ tròn	25	35
	C. CỘT SỐNG		
85	Cắt bỏ cung sau : - của 1 đốt sống	35	40
	- của 2 – 3 đốt sống trở lên	45	60
86	Gãy xẹp thân 1 đốt sống (không liệt tủy)	30	40
87	Gãy xẹp thân 2 đốt sống trở lên (không liệt tủy)	45	60
88	Gãy vỡ mòm gai hoặc mòm bên :		
	– Của 1 đốt sống	10	17
	– Của 2 – 3 đốt sống	25	45
	D. SỌ NÃO		
89	Khuyết xương sọ (chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần)		
	– Đường kính dưới 6 cm	25	40
	– Đường kính từ 6 – 10 cm	40	60
	– Đường kính trên 10 cm	50	70
90	Rối loạn ngôn ngữ do ảnh hưởng của vết thương đại não		
	– Nói ngọng, nói lắp khó khăn ảnh hưởng đến giao tiếp	30	40
	– Không nói được (câm) do tổn hại vùng Broca	60	70
	– Mất khả năng giao dịch bằng chữ viết, mất nhận biết về ngôn ngữ do tổn hại vùng Wernicke	55	70
91	Lột da đầu toàn bộ (1 phần theo tỷ lệ)	45	55
92	Vết thương sọ não hở:		
	– Xương bị nứt rạn	40	50
	– Lún xương sọ	30	40
	– Nhiều mảnh xương đi sâu vào não	50	60
93	Chấn thương sọ não kín		
	– Vỡ vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương)	20	30
	– Vỡ xương lan xuống nền sọ không có liệt dây thần kinh ở nền sọ	30	40
	– Vỡ xương lan xuống nền sọ, liệt dây thần kinh ở nền sọ	40	50

94	Chấn thương não		
	– Chấn động não	08	15
	– Phù não	40	50
	– Giập não, dập não	50	60
	– Chảy máu khoang dưới nhện	40	50
	– Máu tụ trong sọ (ngoài màng cứng, trong màng cứng, trong não)	30	40
	E. LỒNG NGỰC		
95	Cắt bỏ 1 – 2 xương sườn	15	20
96	Cắt bỏ từ 3 xương sườn trở lên	25	35
97	Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn	08	10
98	Gãy 1 -2 xương sườn	07	12
99	Gãy 3 xương sườn trở lên	15	25
100	Gãy xương ức đơn thuần (chức năng phân tim và hô hấp bình thường)	15	20
101	Mê hoặc rạn xương ức	10	15
102	Cắt toàn bộ một bên phổi	70	80
103	Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên, DTS giảm trên 50%	65	75
104	Cắt nhiều thùy phổi ở 1 bên	50	60
105	Cắt 1 thùy phổi	35	45
106	Tràn dịch, khí, máu màng phổi (chỉ chọc hút đơn thuần)	04	10
107	Tràn khí, máu màng phổi (phi dẫn lưu mở cầm máu)	20	30
108	Tổn thương các van tim, vách tim do chấn thương (chưa suy tim)	50	60
109	Khâu màng ngoài tim:		
	– Phẫu thuật kết quả hạn chế	60	70
	– Phẫu thuật kết quả tốt	35	45
	G. BỤNG		
110	Cắt toàn bộ dạ dày	75	85
111	Cắt đoạn dạ dày	50	60
112	Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1 m)	75	85
113	Cắt đoạn ruột non	40	50
114	Cắt toàn bộ đại tràng	75	85
115	Cắt đoạn đại tràng	50	60
116	Cắt bỏ gan phải đơn thuần	70	80
117	Cắt bỏ gan trái đơn thuần	60	70
118	Cắt phần thùy gan, tùy vị trí, số lượng và kết quả phẫu thuật	40	60
119	Cắt bỏ túi mật	45	55
120	Cắt bỏ lá lách	40	50
121	Cắt bỏ đuôi tụy, lách	60	70
122	Khâu lỗ thủng dạ dày	25	35
123	Khâu lỗ thủng ruột non (tùy theo mức độ 1 lỗ hay nhiều lỗ thủng)	30	45
124	Khâu lỗ thủng đại tràng	30	40
125	Đụng rập gan, khâu gan	35	45
126	Khâu vỏ lá lách	25	30
127	Khâu tụy	30	35
	H. CƠ QUAN TIẾT NIỆU, SINH DỤC		
128	Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bình thường	50	60
129	Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bị tổn thương hoặc bệnh lý	70	80
130	Cắt 1 phần thận trái hoặc phải	30	40
131	Chấn thương thận (tùy theo mức độ và 1 hoặc 2 bên)		
	– Nhẹ (không phải xử lý đặc hiệu, theo dõi dưới 5 ngày)	04	08
	– Trung bình (phải dùng thuốc đặc trị, theo dõi trên 5 ngày)	10	15
	– Nặng (có đụng rập, phải can thiệp ngoại khoa)	47	55
132	Cắt 1 phần bàng quang	27	35
133	Mổ thông bàng quang vĩnh viễn	70	80
134	Khâu lỗ thủng bàng quang	30	35

135	Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người		
	– Dưới 55 tuổi chưa có con	70	80
	– Dưới 55 tuổi có con rồi	55	65
	– Trên 55 tuổi	35	40
136	Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người		
	– Dưới 45 tuổi chưa có con	60	70
	– Dưới 45 tuổi có con rồi	30	40
	– Trên 45 tuổi	25	30
137	Cắt vú ở nữ <i>dưới 45 tuổi</i> : - 1 bên	20	30
	- 2 bên	45	55
	<i>trên 45 tuổi</i> : - 1 bên	15	20
	- 2 bên	30	40
	I. MẮT		
138	Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt		
	– Không lắp được mắt giả	55	65
	– Lắp được mắt giả	50	60
139	Một mắt thị lực còn đến 1/10	30	45
140	Một mắt thị lực còn từ 2/10 đến 4/10	12	20
141	Một mắt thị lực còn từ 5/10 đến 7/10	07	15
142	Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt nhưng trước khi xảy ra tai nạn đã mất hoặc mù một mắt	80	90
	K. TAI – MŨI – HỌNG		
143	Điếc 2 tai:		
	– Hoàn toàn không phục hồi được	75	85
	– Năng (Nói to hoặc thét vào tai còn nghe)	60	70
	– Vừa (Nói to 1-2 m còn nghe)	35	45
	– Nhẹ (Nói to 2-4 m còn nghe)	15	25
144	Điếc 1 tai: Hoàn toàn không phục hồi được	30	40
	– Vừa	15	20
	– Nhẹ	08	15
145	Mất vành tai 2 bên	20	40
146	Mất vành tai 1 bên	10	20
147	Sẹo rúm vành tai, chít hẹp ống tai	20	25
148	Mất mũi, biến dạng mũi	18	40
149	Vết thương hõng sẹo hẹp ảnh hưởng đến nuốt	20	40
	L. RĂNG – HÀM – MẶT		
150	Mất 1 phần xương hàm trên và 1 phần xương hàm dưới từ cạnh cao trở xuống:		
	– Khác bên	80	90
	– Cùng bên	70	80
151	Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới	70	80
152	Mất 1 phần xương hàm trên hoặc 1 phần xương hàm dưới (từ 1/3 đến ½ bị mất) từ cạnh cao trở xuống	35	45
153	Gãy xương hàm trên và hàm dưới can xấu gây sai khớp cắn nhai, ăn khó	30	35
154	Gãy xương gò má, cung tiếp xương hàm trên hoặc xương hàm dưới gây rối loạn nhẹ khớp cắn và chức năng nhai	15	25
155	Khớp hàm giả do không liền xương hay khuyết xương	20	25
156	Mất răng: Trên 8 cái không lắp được răng giả	30	40
	– Từ 5 – 7 răng	15	25
	– Từ 3 – 4 răng	08	12
	– Từ 1 – 2 răng	03	06
157	Mất 3/4 lưỡi còn gốc lưỡi (từ đường gai V trở ra)	75	85
158	Mất 2/3 lưỡi từ đầu lưỡi	50	60
159	Mất 1/3 lưỡi ảnh hưởng đến phát âm	15	25

160	Mất 1 phần nhỏ lưỡi (dưới 1/3) ảnh hưởng đến phát âm	10	15
	M. VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM, BÔNG		
161	Vết thương phần mềm (VTPM) bao gồm rách da, rách niêm mạc, bong gân, sai khớp... không ảnh hưởng tới cơ năng (tùy theo mức độ nặng, nhẹ, nhiều, ít)	02 (0,5%)	12
162	VTPM gây đau, rát, tê, co kéo (tùy mức độ rộng, hẹp, nhiều ít), ảnh hưởng đến gân, cơ, mạch máu lớn, thần kinh	12	25
163	VTPM ở ngực, bụng ảnh hưởng đến hô hấp	35	45
164	VTPM để lại sẹo cơ cứng làm biến dạng mắt gây trở ngại đến ăn, nhai và cử động cổ	40	60
165	VTPM khuyết hồng lớn ở chung quanh hốc miệng, vết thương môi và má ảnh hưởng nhiều đến ăn uống	50	60
166	Mất 1 phần hàm ếch làm thông giữa mũi và miệng	20	30
167	Bong nông (độ I, độ II)		
	– Diện tích dưới 5 %	03	07
	– Diện tích từ 5 – 15%	10	15
	– Diện tích trên 15%	15	25
168	Bong sâu (độ III, độ IV, độ V)		
	– Diện tích dưới 5%	20	35
	– Diện tích từ 5 – 15%	35	60
	– Diện tích trên 15%	60	80

NGUYÊN TẮC XÉT TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

Việc xét giải quyết trả tiền theo bảng này sẽ căn cứ trên các chứng từ điều trị của nạn nhân và các quy định dưới đây:

1. Mất hẳn chức năng của từng bộ phận hoặc hỏng vĩnh viễn chỉ được coi như mất từng bộ phận đó hoặc mất chi.
2. Những trường hợp thương tật không liệt kê trong bảng sẽ được bồi thường theo tỷ lệ trên cơ sở so sánh tính nghiêm trọng của nó với những trường hợp khác có trong bảng
3. Vết thương điều trị bình thường, vết thương không bị nhiễm trùng sẽ được trả tiền bảo hiểm tương ứng với mức thấp nhất của thang tỷ lệ trả tiền bảo hiểm qui định cho các trường hợp này.
4. Vết thương điều trị phức tạp, vết thương bị nhiễm trùng hoặc sau khi điều trị còn để lại di chứng, thì tùy theo mức độ nặng, nhẹ được trả cao dần cho tới mức tối đa của thang tỷ lệ trả tiền bảo hiểm qui định cho các trường hợp này.
5. Trường hợp đa vết thương được trả tiền bảo hiểm cho từng vết thương nhưng tổng số tiền trả cho người được bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm. Trường hợp đa vết thương ở cùng một chi, tổng số tiền trả cho các vết thương không vượt quá tỷ lệ mất chi đó.
6. Những trường hợp phải mổ lại, đập can xương làm lại được trả thêm 50% mức tối thiểu của thang tỷ lệ trả cho trường hợp đó nhưng tổng số tiền chi trả không vượt quá số tiền bảo hiểm.